**Tinh huống pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình**

Pháp luật quy định về điều kiện kết hôn và bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình như thế nào?

 **1. Chị Nguyễn Thị Sen mới bước qua tuổi 17, do nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình nên so với bạn trang lứa trông chị Sen có vẻ chững chạc. Bố mẹ chị muốn chị sớm có gia đình nên đã mai mối cho chị lấy anh Lê Phú làng bên, lớn hơn chị 7 tuổi làm chồng. Chị Sen không đồng ý, vì chị muốn học nghề và đi làm để cuộc sống ổn định về sau, nên đã cãi lời bố mẹ. Hai bên xảy ra mâu thuẫn, chị Sen muốn nhờ hòa giải viên giúp đỡ, là hòa giải viên thực hiện hòa giải như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về điều kiện kết hôn như sau:

1. Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:

a) Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;

b) Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;

c) Không bị mất năng lực hành vi dân sự;

d) Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình (nêu dưới đây).

2. Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.

Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình như sau:

1. Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật này được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

2. Cấm các hành vi sau đây:

a) Kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo;

b) Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn;

c) Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ;

d) Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng;

đ) Yêu sách của cải trong kết hôn;

e) Cưỡng ép ly hôn, lừa dối ly hôn, cản trở ly hôn;

g) Thực hiện sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vì mục đích thương mại, mang thai hộ vì mục đích thương mại, lựa chọn giới tính thai nhi, sinh sản vô tính;

h) Bạo lực gia đình;

i) Lợi dụng việc thực hiện quyền về hôn nhân và gia đình để mua bán người, bóc lột sức lao động, xâm phạm tình dục hoặc có hành vi khác nhằm mục đích trục lợi.

3. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình phải được xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan khác có thẩm quyền áp dụng biện pháp kịp thời ngăn chặn và xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình.

4. Danh dự, nhân phẩm, uy tín, bí mật đời tư và các quyền riêng tư khác của các bên được tôn trọng, bảo vệ trong quá trình giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Như vậy, hòa giải viên căn cứ quy định tại Điều 8, khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình giải thích để bố mẹ chị Sen hiểu chị Sen chưa đủ tuổi kết hôn và điều kiện kết hôn là nữ phải từ đủ 18 tuổi trở lên. Ngoài ra, **một trong những hành vi bị cấm trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình là cưỡng ép kết hôn, đồng thời một trong những điều kiện kết hôn là việc kết hôn do nam, nữ tự nguyện quyết định.** Qua đó, hòa giải viên giải thích để bố mẹ chị Sen hiểu hành vi của bố mẹ chị là vi phạm pháp luật, nhằm giải quyết được mâu thuẫn giữa cha me và con cái trong gia đình.

Quy đinh về tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của vợ, chồng

**2. Anh Trịnh Xuân Hùng và chị Phan Thị Mơ kết hôn được một năm. Trước khi chưa kết hôn, anh Hùng đã đồng ý để chị Mơ vẫn theo đạo của chị là đạo Thiên chúa giáo. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, vì lấy lý do mình là con trai trưởng trong gia đình, phải thờ cúng ông bà, tổ tiên nên anh Hùng đã ép chị Mơ bỏ đạo để theo chồng. Chị Mơ không đồng ý nên hai bên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn. Trong trường hợp này, là hòa giải viên, phải thực hiện hòa giải như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 24 Hiến pháp năm 2013 quy định như sau:

1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.

2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật.

Điều 22 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy đinh về tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của vợ, chồng, như sau:

Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau.

Điều 6 Luật Tín ngưỡng tôn giáo quy định quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người như sau:

1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.

2. Mỗi người có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; tham gia lễ hội; học tập và thực hành giáo lý, giáo luật tôn giáo.

3. Mỗi người có quyền vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng của tổ chức tôn giáo. Người chưa thành niên khi vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý.

4. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành có quyền thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo, truyền đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác.

5. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc có quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo.

6. Chính phủ quy định chi tiết việc bảo đảm thực hiện các quyền quy định tại khoản 5 nêu trên.

Như vậy, hòa giải viên khi được phân công tiến hành hòa giải trên cơ sở quy định tại Điều 24 Hiến pháp năm 2013, Điều 6 Luật Tín ngưỡng tôn giáo và Điều 22 Luật Hôn nhân và gia đình để xác định hành vi của anh Hùng ép chị Mơ từ bỏ tín ngưỡng, tôn giáo của mình là sai, thuyết phục để anh Hùng hiểu vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau. Việc chị Mơ theo đạo giáo không ảnh hưởng đến nghĩa vụ làm dâu, làm vợ, làm mẹ. Chị Mơ vẫn thực hiện đầy đủ trách nhiệm cùng chồng thờ cúng tổ tiên, ông bà cha mẹ; các dịp lễ tết thực hiện các nghi lễ cúng bái, thắp hương gia tiên.

Hòa giải trường hợp chồng hay chửi bới, đánh đập vợ

**3. Ông Phạm Tư và bà Lê Thị Hồng kết hôn với nhau được 15 năm và có 3 người con, 01 trai, 02 gái, hai vợ chồng sống với nhau rất hòa thuận. Thời gian gần đây, không hiểu vì lý do gì ông Tư hay uống rượu và mỗi khi cứ uống rượu vào, trong cơn say xỉn, ông Tư về nhà sinh sự, chửi bới, lăng mạ và đánh bà Hồng. Do đó, bà Hồng muốn nhờ hòa giải viên can thiệp. Trong trường hợp này, là hòa giải viên, phải thực hiện hòa giải như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Điều 2 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 quy định các hành vi bạo lực gia đình như sau:

1. Các hành vi bạo lực gia đình bao gồm:

a) Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khoẻ, tính mạng;

b) Lăng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;

c) Cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng;

d) Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;

đ) Cưỡng ép quan hệ tình dục;

e) Cưỡng ép tảo hôn; cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ;

g) Chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình;

h) Cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính;

i) Có hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở.

2. Hành vi bạo lực quy định tại khoản 1 nêu trên cũng được áp dụng đối với thành viên gia đình của vợ, chồng đã ly hôn hoặc nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng.

Điều 8 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 quy định những hành vi bị nghiêm cấm, như sau:

1. Các hành vi bạo lực gia đình quy định tại Điều 2 nêu trên.

2. Cưỡng bức, kích động, xúi giục, giúp sức người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình.

3. Sử dụng, truyền bá thông tin, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động bạo lực gia đình.

4. Trả thù, đe doạ trả thù người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình, người phát hiện, báo tin, ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình.

5. Cản trở việc phát hiện, khai báo và xử lý hành vi bạo lực gia đình.

6. Lợi dụng hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình để trục lợi hoặc thực hiện hoạt động trái pháp luật.

7. Dung túng, bao che, không xử lý, xử lý không đúng quy định của pháp luật đối với hành vi bạo lực gia đình.

Điều 42 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 quy định về xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, như sau:

1. Người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân có hành vi bạo lực gia đình nếu bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định của khoản 1 nêu trên thì bị thông báo cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý người đó để giáo dục.

3. Chính phủ quy định cụ thể các hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống bạo lực gia đình, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

Như vậy, hòa giải viên căn cứ quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 2, Khoản 1 Điều 8, Khoản 1 Điều 42 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình để ông Tư hiểu rằng hành vi bạo lực gia đình là bị nghiêm cấm. Hòa giải viên giải thích để ông Tư hiểu là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ông Tư không nên uống rượu rồi đánh vợ. Nếu ông Tư cứ tiếp tục làm như vậy thìtuỳ theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì ông còn phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

xác định cha, mẹ cho con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân

**4. Anh Dương Kha và chị Nguyễn Thị Thu kết hôn được 10 năm và 02 người con, 01 trai, 01 gái. Kể từ khi chị Thu sinh cháu thứ hai, hai vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc vì anh Kha nghi ngờ nói rằng bé gái không phải con của anh. Anh thường xuyên, gây gỗ, xỉ vả chị. Để giảm không khí căng thẳng trong gia đình, chị Thu muốn nhờ hòa giải viên can thiệp. Trong trường hợp này, là hòa giải viên, phải thực hiện hòa giải như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 88Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định việc xác định cha, mẹ, như sau:

1. Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng.

Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân.

Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng.

2. Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định.

Như vậy, hòa giải viên căn cứ quy định tại Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình để anh Kha hiểu hành vi không thừa nhận con mình là không đúng quy định của pháp luật. Hòa giải cần giải thích, thuyết phục để anh Kha hiểu rằng con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng. Việc anh Kha không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định. Anh không nên nghi ngờ chị Thu mà ảnh hưởng đến tình cha con và hạnh phúc gia đình.

Quy định giải quyết tài sản của vợ chồng trong trường hợp một bên chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết

**5. Anh Nguyễn Tuệ Hải kết hôn với chị Vương Thị Trà được 10 năm và có 2 người con, 01 trai và 01 gái. Anh Hải bị bệnh nặng và chết (không để lại di chúc), tài sản để lại gồm có ngôi nhà, diện tích đất 200m2 và số tiền tiết kiệm gửi ngân hàng 1 tỷ đồng. Đến nay, mẹ của anh Hải (bố của anh Hải chết từ khi anh còn nhỏ) muốn chia tài sản thừa kế từ con trai, nhưng chị Trà không đồng ý, cho rằng tài sản đó là tài sản chung của vợ chồng chị nên mẹ chồng không được nhận. Hai bên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Chị Trà muốn nhờ hòa giải viên can thiệp. Trong trường hợp này, là hòa giải viên, phải thực hiện hòa giải như thế nào?**

Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định giải quyết tài sản của vợ chồng trong trường hợp một bên chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết như sau:

1. Khi một bên vợ, chồng chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì bên còn sống quản lý tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp trong di chúc có chỉ định người khác quản lý di sản hoặc những người thừa kế thỏa thuận cử người khác quản lý di sản.

2. Khi có yêu cầu về chia di sản thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận về chế độ tài sản. Phần tài sản của vợ, chồng chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết được chia theo quy định của pháp luật về thừa kế.

3. Trong trường hợp việc chia di sản ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của vợ hoặc chồng còn sống, gia đình thì vợ, chồng còn sống có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế phân chia di sản theo quy định của Bộ luật dân sự.

4. Tài sản của vợ chồng trong kinh doanh được giải quyết theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 nêu trên, trừ trường hợp pháp luật về kinh doanh có quy định khác.

Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về người thừa kế theo pháp luật như sau:

1. Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây:

a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;

b) Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;

c) Hàng thừa kế thứ ba gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.

Như vậy, Hòa giải viên căn cứ quy định tại Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 194 Bộ luật Dân sự để giải thích cho chị Trà hiểu tài chung của vợ chồng là chia đôi. Vì anh Hải mất không để lại di chúc nên những người được thừa kế theo pháp luật bao gồm: chị Trà, mẹ chồng chị và các con của chị. Nên mẹ chồng chị cũng được hưởng di sản thừa kế từ con trai của mình.

Quy định quan hệ nhân thân, tài sản khi vợ, chồng bị tuyên bố là đã chết mà trở về

 **6. Ông Đoàn Văn Hà và bà Nguyễn Thị Lài kết hôn với nhau được 15 năm và có 03 người con, 02 trai, 01 gái. Cách đây 05 năm, trong một lần theo tàu đi biển đánh bắt cá, do tàu gặp nạn, nên gia đình không liên lạc được với ông Hà, đội tìm kiếm cựu nạn cũng không tìm được, mọi người trong gia đình đều nghĩ rằng ông và mọi người trên tàu đã chết. Thời gian gần đây, ông Dương Tâm làng bên hay qua lại, giúp đỡ cho gia đình bà Lài sửa chữa những thứ lặt vặt trong nhà và hai người nảy sinh tình cảm. Bà Lài đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Hà đã chết và yêu cầu ly hôn, sau đó kết hôn với ông Tâm. Một ngày nọ, ông Hà bỗng quay trở về, rất tức giận về việc bà Lài kết hôn với người đàn ông khác. Ông Hà muốn yêu cầu Tòa án ra quyết định hủy bỏ tuyên bố ông đã chết và xác lập lại quan hệ hôn nhân với bà Lài. Bà Lài không đồng ý, hai bên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Bà Lài muốn nhờ hòa giải viên can thiệp. Trong trường hợp này, là hòa giải viên, phải thực hiện hòa giải như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 67 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định quan hệ nhân thân, tài sản khi vợ, chồng bị tuyên bố là đã chết mà trở về như sau:

1. Khi Tòa án ra quyết định hủy bỏ tuyên bố một người là đã chết mà vợ hoặc chồng của người đó chưa kết hôn với người khác thì quan hệ hôn nhân được khôi phục kể từ thời điểm kết hôn. Trong trường hợp có quyết định cho ly hôn của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình (trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn) thì quyết định cho ly hôn vẫn có hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp vợ, chồng của người đó đã kết hôn với người khác thì quan hệ hôn nhân được xác lập sau có hiệu lực pháp luật.

2. Quan hệ tài sản của người bị tuyên bố là đã chết trở về với người vợ hoặc chồng được giải quyết như sau:

a) Trong trường hợp hôn nhân được khôi phục thì quan hệ tài sản được khôi phục kể từ thời điểm quyết định của Tòa án hủy bỏ tuyên bố chồng, vợ là đã chết có hiệu lực. Tài sản do vợ, chồng có được kể từ thời điểm quyết định của Tòa án về việc tuyên bố chồng, vợ là đã chết có hiệu lực đến khi quyết định hủy bỏ tuyên bố chồng, vợ đã chết có hiệu lực là tài sản riêng của người đó;

b) Trong trường hợp hôn nhân không được khôi phục thì tài sản có được trước khi quyết định của Tòa án về việc tuyên bố vợ, chồng là đã chết có hiệu lực mà chưa chia được giải quyết như chia tài sản khi ly hôn.

Như vậy, hòa giải viên căn cứ quy định tại Điều 67 Luật Hôn nhân và gia đình để giải thích cho ông Hà hiểu khi Tòa án ra quyết định hủy bỏ tuyên bố ông đã chết mà vợ ông chưa kết hôn với người khác thì quan hệ hôn nhân được khôi phục, nhưng do bà Lài đã kết hôn với người khác nên quan hệ hôn nhân được xác lập sau có hiệu lực pháp luật.

Quy địnhnghĩa vụ và quyền của cha mẹ

 **7. Ông Võ Văn Đa và bà Đào Thị Nơ kết hôn với nhau được 20 năm, có 4 người con, 03 trai và 01 gái. Ông Đa hay có sự phân biệt giữa con trai và con gái, ông nói với vợ là cho con trai đi học, còn con gái thì học ít cũng được, bất cứ làm việc gì hay cho gì ông đều ưu tiên cho con trai hơn. Bà Nơ không đồng ý và nói với ông con gái, con trai đều đối xử như nhau, thì ông lại la mắng, chửi vợ và con gái. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vả thường xuyên về vấn đề này. Bà Nơ muốn nhờ hòa giải viên can thiệp. Trong trường hợp này, là hòa giải viên, phải thực hiện hòa giải như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy địnhnghĩa vụ và quyền của cha mẹ như sau:

1. Thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội.

2. Trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

3. Giám hộ hoặc đại diện theo quy định của Bộ luật dân sự cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự.

4. Không được phân biệt đối xử với con trên cơ sở giới hoặc theo tình trạng hôn nhân của cha mẹ; không được lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động; không được xúi giục, ép buộc con làm việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

 Như vậy, hòa giải viên căn cứ quy định tại Điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình để giải thích cho ông Đa hiểu cha mẹ có nghĩa vụ thương yêu con, chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức. Trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên và không được phân biệt đối xử với con trên cơ sở giới để con trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội.

 Quy định quản lý tài sản riêng của con

**8. Anh Nguyễn Hữu Vang và chị Trần An Nhiên kết hôn với nhau được 15 năm và có người con trai 14 tuổi. Vừa qua, bố của chị Nhiên bán đất và có cho riêng con trai chị một số tiền 50 triệu đồng. Anh Vang và chị Nhiên đang quản lý số tiền đó. Nhưng con trai của anh chị cứ một mực đòi anh chị đưa số tiền này cho con quản lý. Cha mẹ và con cái cãi vã vì số tiền này. Là hòa giải viên phải thực hiện hòa giải như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 76 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định quản lý tài sản riêng của con như sau:

1. Con từ đủ 15 tuổi trở lên có thể tự mình quản lý tài sản riêng hoặc nhờ cha mẹ quản lý.

2. Tài sản riêng của con dưới 15 tuổi, con mất năng lực hành vi dân sự do cha mẹ quản lý. Cha mẹ có thể ủy quyền cho người khác quản lý tài sản riêng của con. Tài sản riêng của con do cha mẹ hoặc người khác quản lý được giao lại cho con khi con từ đủ 15 tuổi trở lên hoặc khi con khôi phục năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ trường hợp cha mẹ và con có thỏa thuận khác.

3. Cha mẹ không quản lý tài sản riêng của con trong trường hợp con đang được người khác giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự; người tặng cho tài sản hoặc để lại tài sản thừa kế theo di chúc cho người con đã chỉ định người khác quản lý tài sản đó hoặc trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp cha mẹ đang quản lý tài sản riêng của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự mà con được giao cho người khác giám hộ thì tài sản riêng của con được giao lại cho người giám hộ quản lý theo quy định của Bộ luật dân sự.

Như vậy, hòa giải viên căn cứ quy định tại Điều 76 Luật Hôn nhân và gia đình để giải thích cho anh Vang, chị Nhiên và con trai anh chị hiểu con từ đủ 15 tuổi trở lên có thể tự mình quản lý tài sản riêng hoặc nhờ cha mẹ quản lý, vì ở đây con trai anh Vang mới 14 tuổi, nên chưa đủ tuổi quản lý tài sản riêng. Trong trường hợp con chưa đủ 15 tuổi có tài sản riêng thì tài sản này do cha mẹ quản lý và giao lại cho con khi con từ đủ 15 tuổi trở lên.

Quy định điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

**9. Anh Trần Tuệ Quân và chị Nguyễn Thị Hà kết hôn được 6 năm mà vẫn chưa có con. Nhiều lần anh chị đi khám và bác sĩ chẩn đoán chị Hà không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Vì vậy, hai vợ chồng quyết định sẽ sinh con và nhờ người mang thai hộ. Chị Hà muốn chị gái của mình là người mang thai hộ, anh Quân thì không đồng ý, vì muốn người ngoài mang thai hộ tránh nhiều chuyện về sau. Hai vợ chồng xảy ra cãi vã, mâu thuẫn. Là hòa giải viên phải thực hiện hòa giải như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo như sau:

1. Việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo phải được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên và được lập thành văn bản.

2. Vợ chồng có quyền nhờ người mang thai hộ khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền về việc người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản;

b) Vợ chồng đang không có con chung;

c) Đã được tư vấn về y tế, pháp lý, tâm lý.

3. Người được nhờ mang thai hộ phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Là người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ;

b) Đã từng sinh con và chỉ được mang thai hộ một lần;

c) Ở độ tuổi phù hợp và có xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền về khả năng mang thai hộ;

d) Trường hợp người phụ nữ mang thai hộ có chồng thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người chồng;

đ) Đã được tư vấn về y tế, pháp lý, tâm lý.

4. Việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo không được trái với quy định của pháp luật về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

Khoản 7 Điều 2 Nghị định số 10/2015/NĐ-CP ngày 28/01/2015 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo như sau:

Người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ bao gồm: Anh, chị, em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha; anh, chị, em con chú, con bác, con cô, con cậu, con dì của họ; anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha với họ.

Như vậy, hòa giải viên căn cứ quy định tại Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 7 Điều 2 Nghị định số 10/2015/NĐ-CP để giải thích cho anh Quân và chị Hà hiểu người được nhờ mang thai hộ phải có đủ các điều kiện tại khoản 2 Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình, trong đó có điều kiện phải là người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ; người thân thích đó bao gồm: Anh, chị, em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha; anh, chị, em con chú, con bác, con cô, con cậu, con dì của họ; anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha với họ. Những người này mới được mang thai hộ theo quy định của pháp luật.

Quy định thỏa thuận về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

**10.** **Anh Mai Văn Anh và chị Lê Hà Thu kết hôn được 10 năm mà vẫn chưa có con. Anh chị đã đi khám nhiều bệnh viện và bác sĩ kết luận chị Thu không thể mang thai và sinh con. Vì vậy, hai vợ chồng quyết định sẽ sinh con và nhờ người mang thai hộ. Hai vợ chồng thống nhất nhờ chị con bác bên chị Thu là người mang thai hộ, hai bên tiến hành thỏa thuận về mang thai hộ, đến đây thì vợ chồng anh Anh và chị Thu xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, vì anh Anh cho rằng lập thỏa thuận hai bên cùng ký là đã đảm bảo theo quy định, chị Thu thì cho rằng phải có công chứng của cơ quan có thẩm quyền. Là Hòa giải viên phải thực hiện hòa giải như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 96 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định thỏa thuận về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo như sau:

1. Thỏa thuận về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo giữa vợ chồng nhờ mang thai hộ (sau đây gọi là bên nhờ mang thai hộ) và vợ chồng người mang thai hộ (sau đây gọi là bên mang thai hộ) phải có các nội dung cơ bản sau đây:

a) Thông tin đầy đủ về bên nhờ mang thai hộ và bên mang thai hộ theo các điều kiện có liên quan quy định tại Điều 95 của Luật Hôn nhân và gia đình;

b) Cam kết thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 97 và Điều 98 của Luật Hôn nhân và gia đình;

c) Việc giải quyết hậu quả trong trường hợp có tai biến sản khoa; hỗ trợ để bảo đảm sức khỏe sinh sản cho người mang thai hộ trong thời gian mang thai và sinh con, việc nhận con của bên nhờ mang thai hộ, quyền và nghĩa vụ của hai bên đối với con trong trường hợp con chưa được giao cho bên nhờ mang thai hộ và các quyền, nghĩa vụ khác có liên quan;

d) Trách nhiệm dân sự trong trường hợp một hoặc cả hai bên vi phạm cam kết theo thỏa thuận.

2. Thỏa thuận về việc mang thai hộ phải được lập thành văn bản có công chứng. Trong trường hợpvợ chồng bên nhờ mang thai hộ ủy quyền cho nhau hoặc vợ chồng bên mang thai hộ ủy quyền cho nhau về việc thỏa thuận thì việc ủy quyền phải lập thành văn bản có công chứng. Việc ủy quyền cho người thứ ba không có giá trị pháp lý.

Trong trường hợp thỏa thuận về mang thai hộ giữa bên mang thai hộ và bên nhờ mang thai hộ được lập cùng với thỏa thuận giữa họ với cơ sở y tế thực hiện việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thì thỏa thuận này phải có xác nhận của người có thẩm quyền của cơ sở y tế này.

Như vậy, căn cứ khoản 2 Điều 96 Luật Hôn nhân và gia đình, hòa giải viên giải thích để anh Anh hiểu thỏa thuận về việc mang thai hộ phải được lập thành văn bản có công chứng mới đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Quy định quyền, nghĩa vụ của bên mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

**11.** **Anh Hà Văn Kiên và chị Trần Thụy Vũ kết hôn được 08 năm mà vẫn chưa có con. Anh chị đã đi khám nhiều bệnh viện và bác sĩ kết luận chị Vũ không thể mang thai và sinh con. Vì vậy, hai vợ chồng quyết định sẽ sinh con và nhờ em con cậu của chị Vũ là chị Lê Hương mang thai hộ. Quá trình chị Hương mang thai được vợ chồng anh Kiên và chị Vũ chăm sóc, bồi dưỡng chu đáo. 9 tháng sau, chị Hương sinh được bé trai bụ bẫm, dễ thương, vì chưa có con trai và thương cháu bé nên chị không muốn đưa con lại cho vợ chồng anh Kiên. Nhiều lần vợ chồng anh Kiên đến nhà để nhận con, chị Hương cũng không giao. Hai bên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Là Hòa giải viên phải thực hiện hòa giải như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 97 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định quyền, nghĩa vụ của bên mang thai hộ vì mục đích nhân đạo như sau:

1. Người mang thai hộ, chồng của người mang thai hộ có quyền, nghĩa vụ như cha mẹ trong việc chăm sóc sức khỏe sinh sản và chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến thời điểm giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ; phải giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ.

2. Người mang thai hộ phải tuân thủ quy định về thăm khám, các quy trình sàng lọc để phát hiện, điều trị các bất thường, dị tật của bào thai theo quy định của Bộ Y tế.

3. Người mang thai hộ được hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về lao động và bảo hiểm xã hội cho đến thời điểm giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ. Trong trường hợp kể từ ngày sinh đến thời điểm giao đứa trẻ mà thời gian hưởng chế độ thai sản chưa đủ 60 ngày thì người mang thai hộ vẫn được hưởng chế độ thai sản cho đến khi đủ 60 ngày. Việc sinh con do mang thai hộ không tính vào số con theo chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

4. Bên mang thai hộ có quyền yêu cầu bên nhờ mang thai hộ thực hiện việc hỗ trợ, chăm sóc sức khỏe sinh sản.

Trong trường hợp vì lý do tính mạng, sức khỏe của mình hoặc sự phát triển của thai nhi, người mang thai hộ có quyền quyết định về số lượng bào thai, việc tiếp tục hay không tiếp tục mang thai phù hợp với quy định của pháp luật về chăm sóc sức khỏe sinh sản và sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

5. Trong trường hợp bên nhờ mang thai hộ từ chối nhận con thì bên mang thai hộ có quyền yêu cầu Tòa án buộc bên nhờ mang thai hộ nhận con.

Khoản 5 Điều 98 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định như sau:

Trong trường hợp bên mang thai hộ từ chối giao con thì bên nhờ mang thai hộ có quyền yêu cầu Tòa án buộc bên mang thai hộ giao con.

Như vậy, hòa giải viên căn cứ quy định tại Điều 97, khoản 5 Điều 98 Luật Hôn nhân và gia đình để giải thích cho chị Hương người mang thai hộ chỉ chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến thời điểm giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ và chị Hương phải có nghĩa vụ giao đứa trẻ cho bên nhờ mang thai hộ đảm bảo theo quy định. Trong trường hợp chị Hương từ chối giao con thì vợ chồng anh Kiên có quyền yêu cầu Tòa án buộc chị Hương giao con.

Quy định định đoạt tài sản riêng của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự

**12. Anh Lê Văn Đệ và chị Trương Thị Dung kết hôn được 18 năm và có 01 người con gái 16 tuổi là Lê Thị Huyền. Cháu Huyền được ông bà nội cho riêng số tiền là 30 triệu đồng, hiện nay cháu đang nhờ bố mẹ quản lý. Đang là thời gian nghỉ hè và vốn rất thích kinh doanh nên Huyền nói bố mẹ đưa lại tiền cho mình để Huyền kinh doanh bán hàng qua mạng. Anh Đệ và chị Dung không đồng ý vì cho rằng Huyền còn nhỏ và số tiền này phải do ba mẹ định đoạt. Vì vậy, giữa bố mẹ và cháu Huyền xảy ra mâu thuẫn. Hòa giải viên phải thực hiện hòa giải như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 77 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định định đoạt tài sản riêng của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự như sau:

1. Trường hợp cha mẹ hoặc người giám hộ quản lý tài sản riêng của con dưới 15 tuổi thì có quyền định đoạt tài sản đó vì lợi ích của con, nếu con từ đủ 09 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

2. Con từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi có quyền định đoạt tài sản riêng, trừ trường hợp tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc dùng tài sản để kinh doanh thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của cha mẹ hoặc người giám hộ.

3. Trong trường hợp con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự thì việc định đoạt tài sản riêng của con do người giám hộ thực hiện.

Như vậy, hòa giải viên căn cứ quy định tại Điều 77 Luật Hôn nhân và gia đình để giải thích cho anh Đệ, chị Dung và cháu Huyền hiểu là đến nay cháu Huyền đã 16 tuổi có quyền định đoạt tài sản riêng. Tuy nhiên, trong trường hợp này cháu Huyền dùng tài sản để kinh doanh thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của cha mẹ.

Quy định quyền, nghĩa vụ của bên nhờ mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

**13. Anh Đào Văn Nam và chị Trần Thị Bông kết hôn được 11 năm mà vẫn chưa có con. Hai anh chị thống nhất sẽ nhờ người người em con dì của anh Nam là chị Nguyễn Vân mang thai hộ. Mọi thủ tục đã hoàn thành, chị Vân đã mang thai, sau 09 tháng chị sinh được bé gái bụ bẫm. Trong giai đoạn này, không hiểu vì lý do gì anh Nam và chị Bông không muốn nhận con về, chị Vân đến thời gian giao con cho bên nhờ mang thai hộ, nhưng vợ chồng anh Nam không đến nhận. Là hòa giải viên phải thực hiện hòa giải như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 98 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định quyền, nghĩa vụ của bên nhờ mang thai hộ vì mục đích nhân đạo như sau:

1. Bên nhờ mang thai hộ có nghĩa vụ chi trả các chi phí thực tế để bảo đảm việc chăm sóc sức khỏe sinh sản theo quy định của Bộ Y tế.

2. Quyền, nghĩa vụ của bên nhờ mang thai hộ vì mục đích nhân đạo đối với con phát sinh kể từ thời điểm con được sinh ra. Người mẹ nhờ mang thai hộ được hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về lao động và bảo hiểm xã hội từ thời điểm nhận con cho đến khi con đủ 06 tháng tuổi.

3. Bên nhờ mang thai hộ không được từ chối nhận con. Trong trường hợp bên nhờ mang thai hộ chậm nhận con hoặc vi phạm nghĩa vụ về nuôi dưỡng, chăm sóc con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của Luật này và bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan; nếu gây thiệt hại cho bên mang thai hộ thì phải bồi thường. Trong trường hợp bên nhờ mang thai hộ chết thì con được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản của bên nhờ mang thai hộ.

4. Giữa con sinh ra từ việc mang thai hộ với các thành viên khác của gia đình bên nhờ mang thai hộ có các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Bộ luật dân sự và luật khác có liên quan.

5. Trong trường hợp bên mang thai hộ từ chối giao con thì bên nhờ mang thai hộ có quyền yêu cầu Tòa án buộc bên mang thai hộ giao con.

Khoản 5 Điều 97 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định như sau:

Trong trường hợp bên nhờ mang thai hộ từ chối nhận con thì bên mang thai hộ có quyền yêu cầu Tòa án buộc bên nhờ mang thai hộ nhận con.

Như vậy, hòa giải viên căn cứ quy định tại Điều 98, khoản 5 Điều 97 Luật Hôn nhân và gia đình để giải thích cho vợ chồng anh Nam và chị Bông hiểu là anh chị không được từ chối nhận con. Trong trường hợp bên vợ chồng anh Nam chậm nhận con hoặc vi phạm nghĩa vụ về nuôi dưỡng, chăm sóc con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan; nếu gây thiệt hại cho cho chị Vân thì phải bồi thường. Và chị Vân có quyền yêu cầu Tòa án buộc bên vợ chồng anh Nam nhận con.

Quy định quyền, nghĩa vụ về kinh tế của vợ chồng

**14. Anh Minh là Kiến trúc sư, chị Hoa (vợ anh) hiện đang ở nhà nội trợ và chăm sóc 2 con. Thời gian này con cũng đã lớn hơn và đi học, chị Vân muốn kinh doanh buôn bán áo quần với bạn kiếm thêm thu nhập. Tuy nhiên, anh Minh không đồng ý, đã nổi nóng và chửi bới cho rằng chị Vân là phụ nữ chỉ hợp với nội trợ, biết gì về buôn bán mà đua đòi kinh doanh và không cho chị mở cửa hàng. Hai vợ chồng lời qua tiếng lại nên nảy sinh mâu thuẫn. Là hòa giải viên, anh/ chị phải thực hiện hòa giải như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 23 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định quyền, nghĩa vụ về học tập, làm việc, tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội như sau:

Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ tạo điều kiện, giúp đỡ nhau chọn nghề nghiệp; học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Điều 12 Luật Bình đẳng giới quy định về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế:

1. Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động.

2. Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế bao gồm:

a) Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ được ưu đãi về thuế và tài chính theo quy định của pháp luật;

b) Lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ tín dụng, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo quy định của pháp luật.

Khoản 2 Điều 40 Luật Bình đẳng giới quy định các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế bao gồm:

a) Cản trở nam hoặc nữ thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động kinh doanh vì định kiến giới;

b) Tiến hành quảng cáo thương mại gây bất lợi cho các chủ doanh nghiệp, thương nhân của một giới nhất định.

Như vậy, hòa giải viên căn cứ quy định tại Điều 23 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 40 Luật Bình đẳng giới, để xác định hành vi của anh Minh không cho chị Hoa kinh doanh cửa hàng là sai. Hòa giải viên giải thích, thuyết phục anh Minh hiểu rằng, ngoài những công việc gia đình thì chị Vân có quyền làm công việc mà bản thân thích. Anh Minh không nên cản trở mà thay vào đó là phụ giúp chị Vân chia sẽ việc gia đình để tạo điều kiện thuận lợi cho chị kinh doanh.

Quy định quyền và nghĩa vụ của con

**15. Anh Long và chị Kim kết hôn được 20 năm và có một người con trai 19 tuổi và một người con gái 15 tuổi. Con trai của Long không muốn theo học đại học mà muốn học nghề thợ điện và đi làm. Anh Long không đồng ý, bắt buộc con trai anh phải nộp hồ sơ vào trường đại học. Hai cha con cãi vã và xảy ra mâu thuẫn. Là hòa giải viên, anh/chị phải thực hiện hòa giải như thế nào?**

**Trả lời :**

Điều 70 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định quyền và nghĩa vụ của con như sau:

1. Được cha mẹ thương yêu, tôn trọng, thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp về nhân thân và tài sản theo quy định của pháp luật; được học tập và giáo dục; được phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức.

2. Có bổn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình.

3. Con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì có quyền sống chung với cha mẹ, được cha mẹ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc.

Con chưa thành niên tham gia công việc gia đình phù hợp với lứa tuổi và không trái với quy định của pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

4. Con đã thành niên có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội theo nguyện vọng và khả năng của mình. Khi sống cùng với cha mẹ, con có nghĩa vụ tham gia công việc gia đình, lao động, sản xuất, tạo thu nhập nhằm bảo đảm đời sống chung của gia đình; đóng góp thu nhập vào việc đáp ứng nhu cầu của gia đình phù hợp với khả năng của mình.

5. Được hưởng quyền về tài sản tương xứng với công sức đóng góp vào tài sản của gia đình.

Như vậy, hòa giải viên căn cứ quy định tại Điều 70 Luật Hôn nhân và gia đình giải thích để anh Long hiểu con trai anh đã thành niên có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ theo nguyện vọng và khả năng của con mình. Anh Long tôn trọng nguyện vọng của con, cho con được học nghề đảm bảo theo quy định.

Quy định quyền, nghĩa vụ về tham gia hoạt động chính trị của vợ chồng

**16.** **Anh Phú và** **chị Hân kết hôn với nhau được 15 năm, có 01 con trai và 01 con gái. Chị Hân đang làm chi hội trưởng chi hội phụ nữ thôn Ngọc Anh. Anh Phú làm tại Ủy ban nhân dân xã K. Trong quá trình chuẩn bị tổ chức Đại hội đại biểu Hội liên hiệp phụ nữ xã K, chị Hân được mọi người tin tưởng, tín nhiệm giới thiệu ứng cử vào Ban chấp hành Hội Liên hiệp phụ nữ xã K nhiệm kỳ tới. Khi biết tin, anh Phú đã quát mắng, chửi chị Hân và cấm chị tham gia bầu cử. Hai bên to tiếng dẫn đến mâu thuẫn. Là hòa giải viên, anh/chị thực hiện hòa giải như thế nào?**

Điều 23 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định quyền, nghĩa vụ về học tập, làm việc, tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội như sau:

Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ tạo điều kiện, giúp đỡ nhau chọn nghề nghiệp; học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Điều 11 Luật Bình đẳng giới quy định bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị như sau:

1. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lý nhà nước, tham gia hoạt động xã hội.

2. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức.

3. Nam, nữ bình đẳng trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

4. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức.

5. Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị bao gồm:

a) Bảo đảm tỷ lệ thích đáng nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với mục tiêu quốc gia vềbình đẳng giới;

b) Bảo đảm tỷ lệ nữ thích đáng trong bổ nhiệm các chức danh trong cơ quan nhà nước phù hợp với mục tiêu quốc gia vềbình đẳng giới.

Như vậy, hòa giải viên căn cứ quy định tại Điều 23 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 11 Luật Bình đẳng giới để xác định việc anh Phú không đồng ý cho chị Hân tham gia vào Ban chấp hành Hội Liên hiệp phụ nữ xã K là không đúng quy định của pháp luật. Hòa giải viên cần giải thích, thuyết phục anh Phú hiểu rằng, chị Hân được tin tưởng giới thiệu ứng cử là rất tốt. Anh Phú không nên cản trở mà nên ủng hộ để tạo điều kiện cho chị Hân tham gia bầu cử.

Quy định bồi thường thiệt hại do con gây ra

**17. Anh Phương và chị Nguyên kết hôn được 6 năm và có 01 con gái 5 tuổi tên Nhi. Anh Vui và chị Yến kết hôn với nhau 8 năm có người con trai 06 tuổi tên Bình. Trong một lần, cháu Nhi qua nhà chơi với cháu Bình, cháu Bình đã lấy vòng tay bằng vàng của mẹ đeo vào cho cháu Nhi. Trên đường về nhà chẳng may cháu Nhi đã đánh rơi và không biết rơi lúc nào. Vợ anh Vui mất vòng vàng, đi tìm khắp nhà cũng không có, sau đó hỏi cháu Bình thì biết được con đã lấy đeo cho cháu Nhi. Vợ chồng anh Vui qua nhà vợ chồng anh Phương hỏi cháu Nhi để lấy lại thì biết cháu Nhi đã làm mất. Vợ chồng anh Vui bắt vợ chồng anh Phương đền vì vòng tay đó có trị giá 5 triệu đồng, vợ chồng anh Phương không đồng ý vì trẻ con chơi với nhau anh không biết. Hai bên lời qua tiếng lại, dẫn đến cãi vã, mâu thuẫn. Là hòa giải viên, anh/chị thực hiện hòa giải như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 74 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định bồi thường thiệt hại do con gây ra như sau:

Cha mẹ phải bồi thường thiệt hại do con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự gây ra theo quy định của Bộ luật dân sự.

Điều 586 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cá nhân như sau:

1. Người từ đủ mười tám tuổi trở lên gây thiệt hại thì phải tự bồi thường.

2. Người chưa đủ mười lăm tuổi gây thiệt hại mà còn cha, mẹ thì cha, mẹ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại; nếu tài sản của cha, mẹ không đủ để bồi thường mà con chưa thành niên gây thiệt hại có tài sản riêng thì lấy tài sản đó để bồi thường phần còn thiếu, trừ trường hợp quy định tại Điều 599 Bộ luật Dân sự (Bồi thường thiệt hại do người dưới mười lăm tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự gây ra trong thời gian trường học, bệnh viện, pháp nhân khác trực tiếp quản lý).

Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi gây thiệt hại thì phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

3. Người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi gây thiệt hại mà có người giám hộ thì người giám hộ đó được dùng tài sản của người được giám hộ để bồi thường; nếu người được giám hộ không có tài sản hoặc không đủ tài sản để bồi thường thì người giám hộ phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu người giám hộ chứng minh được mình không có lỗi trong việc giám hộ thì không phải lấy tài sản của mình để bồi thường.

Như vậy, hòa giải viên căn cứ quy định tại Điều 74 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 586 Bộ luật Dân sự để giải thích cho vợ chồng anh Phương hiểu là cha mẹ phải bồi thường thiệt hại do con chưa thành niên và cha, mẹ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại; nếu tài sản của cha, mẹ không đủ để bồi thường mà con chưa thành niên gây thiệt hại có tài sản riêng thì lấy tài sản đó để bồi thường phần còn thiếu. Bên cạnh đó, hòa giải viên cần giải thích để hai bên gia đình hiểu rằng đây là sự việc không ai mong muốn, và trẻ con chơi với nhau không biết, hai bên gia đình cùng thương lượng, thỏa thuận thống nhất việc bồi thường tránh cãi vã, mâu thuẫn.